



CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 16 + 17

Ngày 25 tháng 4 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

14-4-2023	Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định thi đua, khen thưởng Phong trào “Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên” giai đoạn 2023 - 2030	3
24-4-2023	Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	11
24-4-2023	Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 62/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	24

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

07-4-2023	Quyết định số 775/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; lĩnh vực	26
-----------	---	----

	thi, tuyển sinh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên	
10-4-2023	Quyết định số 784/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên	40
11-4-2023	Quyết định số 802/QĐ-UBND phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên	46
11-4-2023	Quyết định số 803/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Kiến trúc, Quản lý hoạt động xây dựng và Nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên	81
13-4-2023	Quyết định số 826/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Phổ Yên	118

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2023/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thi đua, khen thưởng Phong trào
“Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên” giai đoạn 2023 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 57/TTr-SNV ngày 02 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thi đua, khen thưởng Phong trào “Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên” giai đoạn 2023 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2023 và thay thế Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các đơn vị trong cụm, khối thi đua

do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Việt Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Thi đua, khen thưởng Phong trào “Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên” giai đoạn 2023 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 07 /2023/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về công tác thi đua, khen thưởng Phong trào “Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên” giai đoạn 2023 - 2030 (sau đây viết tắt là Phong trào) bao gồm: Đối tượng áp dụng, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; nội dung thi đua; cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục, hồ sơ, thời gian đề nghị khen thưởng; trách nhiệm của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể:

a) Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương có chức năng, nhiệm vụ trong tham mưu triển khai, chỉ đạo, tổ chức Phong trào.

b) Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng Nhân dân và các tổ chức kinh tế là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

2. Cá nhân:

a) Cán bộ, công chức, viên chức.

b) Lãnh đạo, thành viên và người lao động trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng Nhân dân và các tổ chức kinh tế là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và theo các nguyên tắc sau:

1. Chú trọng khen thưởng, đề nghị khen thưởng cho tập thể nhỏ và cá nhân thuộc đơn vị được giao nhiệm vụ trực tiếp tham mưu triển khai, tổ chức thực hiện, tham gia Phong trào. Số lượng cá nhân đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng là người trực tiếp tham mưu triển khai, tổ chức thực hiện, tham gia Phong trào đạt tỷ lệ từ 40% trở lên trong tổng số cá nhân thuộc Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương được đề nghị khen thưởng.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện khen thưởng là chủ yếu; trường hợp có thành tích xuất sắc trong Phong trào, có tác dụng nêu gương, sức lan tỏa lớn trong phạm vi toàn tỉnh mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

Điều 4. Nội dung thi đua

1. Thi đua nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng Nhân dân và các tổ chức kinh tế là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh; tăng cường mối quan hệ kinh tế giữa hợp tác xã với thành viên và ngược lại; xây dựng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng Nhân dân và các tổ chức kinh tế là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực sự vì lợi ích của thành viên, người lao động.

2. Thi đua tổ chức tốt công tác thông tin tuyên truyền các văn bản pháp luật về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng Nhân dân và các tổ chức kinh tế là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và văn bản pháp luật có liên quan; quan tâm chăm lo đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ lãnh đạo, thành viên, người lao động.

3. Thi đua đề xuất các giải pháp, sáng kiến thiết thực, hiệu quả để phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 5. Hình thức khen thưởng

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 6. Số lượng khen thưởng hằng năm

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: 10 tập thể, 10 cá nhân.
2. Giấy khen: Hằng năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào kết quả thực hiện Phong trào để xem xét, quy định cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân theo thẩm quyền.

Điều 7. Tiêu chuẩn khen thưởng hằng năm đối với tập thể

1. Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có kế hoạch triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh.
- b) Tuyên truyền, thực hiện tốt Phong trào.
- c) Có sáng kiến hoặc giải pháp, đề xuất chủ trương, chính sách về lĩnh vực kinh tế tập thể được đưa vào áp dụng thực tế đạt hiệu quả.
- d) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết các khó khăn, vướng mắc về lĩnh vực kinh tế tập thể thuộc lĩnh vực, địa bàn đơn vị phụ trách đạt hiệu quả cao.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng Nhân dân và các tổ chức kinh tế là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã; Luật Doanh nghiệp; Luật Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật.
- b) Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.
- c) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định; đảm bảo đời sống, việc làm và chế độ, chính sách đối với thành viên và người lao động; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.
- d) Đầu tư, mở rộng quy mô, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

đ) Tích cực tham gia đóng góp từ thiện, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và hưởng ứng các Phong trào.

e) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác học tập, nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 8. Tiêu chuẩn khen thưởng hằng năm đối với cá nhân

1. Cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tích cực tham mưu lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt công tác phối hợp báo cáo, xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án liên quan đến lĩnh vực kinh tế tập thể theo quy định.

b) Trong năm có sáng kiến hoặc giải pháp liên quan đến lĩnh vực phát triển kinh tế tập thể được công nhận.

2. Cá nhân là lãnh đạo, thành viên và người lao động trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng Nhân dân và các tổ chức kinh tế là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc trong Phong trào.

b) Có sáng kiến, giải pháp trong sản xuất, kinh doanh góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã.

Điều 9. Khen thưởng tổng kết

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng tổng kết giai đoạn 2023 - 2030: Căn cứ vào kết quả thực hiện Phong trào, Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì phối hợp Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) tham mưu báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc khen thưởng tổng kết giai đoạn phù hợp với thực tiễn.

2. Giấy khen: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào kết quả thực hiện Phong trào để xem xét, quy định cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân theo thẩm quyền.

Điều 10. Thủ tục, hồ sơ, thời gian đề nghị khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và theo hướng dẫn của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, bảo đảm yêu cầu công tác thẩm định và lưu trữ theo quy định.

2. Thời gian nộp hồ sơ: Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng hướng dẫn đề nghị khen thưởng Phong trào gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổng hợp hồ sơ, xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh là cơ quan thường trực Phong trào, có trách nhiệm:

a) Tham mưu công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện Phong trào; hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thực hiện tốt quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) xây dựng tiêu chí cụ thể, hướng dẫn khen thưởng vào hằng năm và tổng kết.

c) Phối hợp với các cơ quan truyền thông tuyên truyền về nội dung, ý nghĩa của Phong trào.

d) Chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến cấp tỉnh.

đ) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) kết quả sơ kết Phong trào hằng năm theo hướng dẫn của Sở Nội vụ, tổng kết Phong trào giai đoạn 2023 - 2030 trong tháng 12 năm 2030.

e) Tổ chức đánh giá, xét khen thưởng Phong trào hằng năm và tổng kết năm 2030, lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng hướng dẫn khen thưởng, đề xuất, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Phong trào.

b) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Phong trào của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tuyên truyền, vận động Nhân dân, hội viên, đoàn viên tích cực tham gia hưởng ứng Phong trào.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai Phong trào, nhân rộng điển hình tiên tiến; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phạm vi quản lý của mình để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

5. Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên, Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh, các cơ quan truyền thông, báo chí tổ chức tuyên truyền về nội dung, ý nghĩa, mô hình mới, cách làm sáng tạo, hiệu quả, gương điển hình tiên tiến trong Phong trào.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Cơ quan thường trực Phong trào và Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2023/QĐ-UBND

Thái nguyên, ngày 24 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 952/TTr-SNN ngày 31 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác

khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến việc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công trình bao gồm: Công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Hạ tầng kỹ thuật là những công trình phục vụ quá trình khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, sản xuất công nghiệp, khai thác du lịch, di tích lịch sử; nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội thuộc khu khai thác khoáng sản, khu khai thác tài nguyên

thiên nhiên khác, khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích lịch sử, khu công nghiệp, khu đô thị và điểm dân cư nông thôn.

3. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, khu đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp, khu di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác là những hoạt động nhằm bảo đảm an toàn về người, công trình và tài sản, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, không làm gia tăng rủi ro thiên tai và phát sinh thiên tai mới.

Điều 4. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình

1. Tuân thủ các nguyên tắc, quy định chung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và sử dụng công trình theo quy định tại Điều 4, 5 và 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh phải được xây dựng thành nội quy, quy chế hoạt động và phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, tạo thuận lợi cho công tác khắc phục hậu quả thiên tai và cứu hộ, cứu nạn.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác

1. Tổ chức hướng dẫn, tập huấn ít nhất 01 lần/năm cho cán bộ, công nhân, người lao động nhằm phổ biến, bồi dưỡng và nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, tăng khả năng ứng phó tại chỗ, chủ động các biện pháp phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

2. Khai thác theo đúng giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp và thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau khi khai thác theo đúng quy định.

3. Xây dựng phương án giằng néo kèo cột, che chắn và chống tốc mái cho nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ở cho công nhân nội trú (nếu có), kho tàng, đặc biệt là các kho chứa thành phẩm; khơi thông cống, rãnh thoát nước nội bộ tránh trường hợp ngập cục bộ; dự phòng máy phát điện để chủ động cung cấp điện trong các tình huống thiên tai xảy ra.

4. Kiểm tra, rà soát, đánh giá về hiện trạng, mức độ an toàn của đập, bờ bao hồ chứa bùn thải, hồ lắng, bãi thải, bờ moong; trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

5. Rào, chắn xung quanh khu vực đã tác động khai thác, phía trên các vách moong hiện hữu, đặc biệt là các khu đã tạo thành hồ chứa nước; cấm biển báo nguy hiểm, bố trí lực lượng bảo vệ thường xuyên kiểm tra không để người dân, gia súc vào khu vực mỏ, đặc biệt nghiêm cấm việc tắm, bơi lội tại hồ chứa nước, đi lại trên vách moong, bờ moong.

6. Chủ động chuẩn bị sẵn sàng các biện pháp phòng, chống các sự cố do thiên tai gây ra theo phương châm “Bốn tại chỗ” để ứng phó kịp thời; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố do thiên tai vì nguyên nhân chủ quan gây ảnh hưởng đến tính mạng con người và tài sản.

Điều 6. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu đô thị

1. Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

2. Kiểm tra, rà soát và có các biện pháp sửa chữa, gia cố đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn pano, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao.

3. Xây dựng phương án bảo đảm tiêu thoát nước đô thị, chống ngập úng; thường xuyên rà soát, kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm bảo đảm việc chống ngập úng khi có mưa lớn.

4. Kiểm tra kế hoạch duy tu, bảo trì và nạo vét hệ thống tiêu thoát nước chính tại các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng cục bộ khi có mưa, lũ.

5. Kiểm soát và thực hiện quy trình cắt tía cây xanh đô thị bảo đảm an toàn cho người dân trong mùa mưa bão và có các giải pháp khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn.

Điều 7. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu du lịch, khu di tích lịch sử, điểm du lịch

1. Thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến việc bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu du lịch, khu di tích lịch sử, điểm du lịch do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến thời tiết để có hướng dẫn cần thiết, bảo đảm biện pháp an toàn cho người lao động và khách du lịch đến tham quan, đồng thời chủ động thực hiện ngừng hoạt động phục vụ khách du lịch trong thời gian xảy ra thiên tai.

3. Kiểm tra, rà soát thực trạng cơ sở vật chất, có biện pháp gia cố, chằng chống, chủ động bố trí nhân lực, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm cần thiết để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho khách du lịch.

4. Đối với các khu du lịch, khu di tích lịch sử, điểm du lịch tại các vùng trũng thấp, ven sông, suối phải chuẩn bị sẵn sàng phương án sơ tán, di dời, bảo đảm an toàn cho người và tài sản; chủ động các biện pháp phòng, chống và ứng phó kịp thời các sự cố và nguy cơ xảy ra sự cố do thiên tai.

Điều 8. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu công nghiệp

1. Tổ chức hướng dẫn, tập huấn ít nhất 01 lần/năm cho cán bộ, công nhân, người lao động nhằm phổ biến, bồi dưỡng và nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, tăng khả năng ứng phó tại chỗ, chủ động các biện pháp phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

2. Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho cán bộ, công nhân và người lao động về diễn biến thiên tai, trọng điểm

xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng, khu lân cận có nguy cơ xảy ra sự cố ảnh hưởng đến an toàn trong khu vực.

3. Hằng năm, chủ động lập phương án và kế hoạch cụ thể công tác phòng, chống thiên tai của đơn vị; kiểm tra, rà soát mức độ an toàn chịu lực, ổn định hiện trạng của công trình, hạng mục công trình hạ tầng và có biện pháp xử lý khi không đảm bảo an toàn nếu có thiên tai xảy ra.

4. Tiến hành các biện pháp gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn, đặc biệt là hệ thống mái tôn, vách tôn, trần nhựa, cửa kính, thiết bị máy móc; tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không đảm bảo an toàn khi có dự báo, cảnh báo thiên tai có thể xảy ra.

Điều 9. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng điểm dân cư nông thôn

1. Rà soát, xây dựng và ban hành nội quy, quy chế hoạt động và thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Thực hiện rà soát, lập kế hoạch di chuyển các hộ gia đình nằm trong khu vực có nguy cơ cao rủi ro thiên tai đến nơi ở an toàn; cảnh báo nguy cơ xảy ra sự cố do thiên tai cho các tổ chức, hộ gia đình nằm trong vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai.

3. Thông báo và yêu cầu các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kiểm tra, rà soát và có các biện pháp phòng, chống thiên tai đảm bảo an toàn công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình.

4. Kiểm tra, rà soát, đánh giá mức độ an toàn và có biện pháp sửa chữa, gia cố đối với các công trình sử dụng mái tôn, fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn pano, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao.

5. Bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch, thông tin liên lạc cho các điểm dân cư nông thôn bị ngập úng, chia cắt.

6. Thực hiện việc nạo vét kênh mương, cửa lấy nước, lắp đặt và vận hành các trạm bơm dã chiến; chuẩn bị bố trí phương tiện vận chuyển nước sạch để kịp thời cấp nước sinh hoạt cho nhân dân trong các điểm dân cư nông thôn tại các vùng thiếu nước nghiêm trọng khi hạn hán xảy ra.

Điều 10. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình

1. Quy định về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng, chống thiên tai thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện theo các quy định tại Chương III Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với hệ thống giao thông đường bộ địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị) thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ và Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019.

3. Quy định về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác: Thực hiện theo các quy định về phòng chống thiên tai chuyên ngành, các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình theo quy định của pháp luật và các nội dung cụ thể như sau:

a) Xây dựng phương án bảo đảm an toàn đối với công trình đang thi công xây dựng; lập và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận, đặc biệt công tác bảo đảm an toàn đối các công trình gây ảnh hưởng đến dòng chảy (công trình ven sông suối ngăn dòng như; ngầm tràn, cầu giao thông, thủy điện...), với cần trục tháp, máy vận thăng và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa lũ.

b) Thực hiện việc rà soát, đo đạc, quan trắc, theo dõi, đánh giá, giám sát an toàn công trình, khu vực chịu tác động khi vận hành công trình, chú trọng các khu vực trọng điểm xung yếu của công trình, hạng mục công trình, khu vực có nguy cơ cao gia tăng rủi ro thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình để có biện pháp sửa chữa. Thường xuyên cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình theo quy định.

c) Thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình theo quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Kiểm tra các biện pháp bảo đảm an toàn cho các công trình, đặc biệt đối với các công trình đặt tại các vị trí xung yếu như: Ven sông, khu vực thường xuyên chịu tác động của mưa, lũ, khu vực có nguy cơ sạt lở đất, khu vực đông dân cư. Đánh giá thường xuyên, định kỳ về hiện trạng an toàn công trình, hạng mục công trình; khi có cảnh báo thiên tai phải kiểm tra, đánh giá hiện trạng an toàn công trình; thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, ứng phó, đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn công trình, hạng mục công trình trước, trong và sau thiên tai (nếu có).

e) Xử lý, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an toàn công trình, hạng mục công trình hoặc làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai. Trường hợp xảy ra sự cố và các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình, hạng mục công trình vượt quá khả năng phải kịp thời báo cáo UBND cấp trực tiếp quản lý hoặc cơ quan quản lý cấp trên để được hỗ trợ.

f) Tổ chức xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm phương án ứng phó thiên tai theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và các quy định khác có liên quan. Xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành công trình (đối với công trình phải xây dựng quy trình vận hành). Khi vận hành công trình phải thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan và chính quyền nơi chịu tác động của quá trình vận hành, nhất là trong tình huống thiên tai đang diễn ra tại khu vực công trình và vùng bị tác động của quá trình vận hành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và sử dụng công trình:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các nội dung quy định cụ thể tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Quy định này.

b) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát, xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và sử dụng công trình.

c) Khi phát hiện các hoạt động, hành vi và sự cố công trình có thể ảnh hưởng đến an toàn công trình và hoạt động phòng, chống thiên tai phải báo cáo kịp thời; lập rào chắn, cấm biển báo khu vực thiên tai nguy hiểm và cử người thường xuyên theo dõi diễn biến.

d) Thực hiện chế độ báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình hoặc hạng mục công trình theo quy định, gửi về cơ quan chuyên môn cấp trên và Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp quản lý trước mùa mưa lũ hàng năm.

e) Trước mùa mưa, lũ hàng năm phải tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác định các khu vực trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm, xung yếu đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng, kịp thời phát hiện, xử lý các tình huống do thiên tai gây ra.

f) Lập, lưu trữ thông tin, dữ liệu về thiên tai và hồ sơ về quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh:

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai việc thực hiện Quy định này.

b) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng, mức độ bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng theo thẩm quyền.

d) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các khu vực trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đối với công trình phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành của tỉnh

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Quy định này. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố công trình do thiên tai gây ra thuộc phạm vi quản lý.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức và cá nhân sử dụng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

c) Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định.

e) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức và cá nhân sử dụng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

c) Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai đối với công trình thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định.

e) Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn quản lý. Xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

f) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn

Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung kết quả thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn.

Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo các điểm xung yếu, trọng điểm và phương án bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp*).

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn.

b) Tổ chức rà soát, xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp kế hoạch đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định.

c) Phối hợp kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn. Xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, giải quyết theo quy định.

d) Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình thuộc phạm vi quản lý.

e) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm các điểm xung yếu, trọng điểm và phương án bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước mùa mưa lũ hàng năm.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai*

và tìm kiếm cứu nạn tỉnh) để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2023/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 62/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 669/TTr-SNN ngày 10 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 62/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 775/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 880/QĐ-BGDĐT ngày 27/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 765/TTr-SGDĐT ngày 04/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên *(có Phụ lục I kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ 08 thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (01 TTHC tại phần A. TTHC dùng chung; 03 TTHC tại phần B. TTHC cấp tỉnh; 04 TTHC tại phần C. TTHC cấp huyện); 01 thủ tục hành chính lĩnh vực, thi tuyển sinh tại phần A. TTHC dùng chung ban hành tại Quyết định số 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên *(có Phụ lục II kèm theo)*.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN; LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 775 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN					
1	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Theo học kỳ hoặc theo năm học (Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí; hỗ trợ đóng học phí được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên và 10 tháng/năm học đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và thực hiện chi	Gửi đến cơ sở giáo dục nơi trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, học viên đang theo học	Không có	1. Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục; 2. Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>trả cho người học 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.</p> <p>- Nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các đối tượng quy định tại Điều 18 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP với mức 150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/1 năm học và thực hiện chi trả 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.</p> <p>- Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ), học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề</p>			<p>một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		ngiệp, giáo dục đại học chưa nhận được tiền cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.)				
II	LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH					
1	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Không quy định	Các trường PTDTNT có cấp học cao nhất là trung học phổ thông và trường PTDTNT trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh	Không có	Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.	Một cửa

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN					
1	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	Không quy định (- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở cho học sinh được chi trả, cấp phát hằng tháng. - Gạo được cấp cho học sinh theo định kỳ nhưng không quá 2 lần/học kỳ.)	Cơ sở giáo dục nơi học sinh đang theo học	Không có	1. Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; 2. Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
2	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	Không quy định (- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở cho học sinh được chi trả, cấp phát hằng tháng. - Gạo được cấp cho học sinh theo định kỳ nhưng không quá 2 lần/học kỳ.)	Cơ sở giáo dục nơi học sinh đang theo học	Không có	1. Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; 2. Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
3	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với học sinh học tại các cơ Sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn. - Đối với học sinh học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với học sinh trung học phổ thông học tại các cơ sở giáo dục công lập nộp hồ sơ tại các cơ sở giáo dục nơi học sinh đang học. - Đối với học sinh trung học phổ thông học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 17 đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên 	Không có	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người. 2. Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công 	Một cửa

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN						
1.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.	Không quy định (- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở cho học sinh được chi trả, cấp phát hằng tháng. - Gạo được cấp cho học sinh theo định kỳ nhưng không quá 2 lần/học kỳ.)	Cơ sở giáo dục nơi học sinh đang theo học	Không có	1. Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; 2. Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Một cửa liên thông
2	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu	- Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh	- Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh	Không có	1. Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09	Một cửa

	giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người.	viên học tại các cơ sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn. - Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.	tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập nộp tại cơ sở giáo dục đang theo học. - Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính UBND cấp huyện		tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người. 2. Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	
3	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	Tối đa 24 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, UBND cấp huyện phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa. - Việc chi trả kinh phí hỗ trợ ăn trưa được thực hiện 2 lần	Cơ sở giáo dục mầm non.	Không có	1. Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. 2. Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên	Một cửa liên thông

		trong năm học do cơ sở giáo dục mầm non chi trả: lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 11 hoặc tháng 12 hằng năm; lần 2 chi trả đủ các tháng còn lại vào tháng 3 hoặc tháng 4 hằng năm.			quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	
4	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	<p>- Tối đa 24 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, UBND cấp huyện phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa.</p> <p>- Cơ sở giáo dục mầm non thực hiện chi trả 2 lần trong năm học: lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 11 hoặc tháng 12 hằng năm; lần 2 chi trả đủ các tháng còn lại vào tháng 3 hoặc tháng 4 hằng năm.</p>	Cơ sở giáo dục mầm non	Không có	<p>1. Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.</p> <p>2. Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công</p>	Một cửa liên thông

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG		
I	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
1	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.
II	Lĩnh vực thi, tuyển sinh	
1	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
I	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

1	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.
2	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.
3	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
I	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
1	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.	Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.
2	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người.	Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.
3	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành

		chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.
4	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Quyết định 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 784/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đăng kiểm
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-BGTVT ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 678/TTr-SGTVT ngày 03/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên (*có Phụ lục I kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ 01 thủ tục hành chính (TTHC số 08 lĩnh vực đăng kiểm tại phần I. TTHC cấp tỉnh) tại Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Thủ tục hành chính, Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên (*có Phụ lục II kèm theo*).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (*)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
I	Lĩnh vực đường bộ					
1	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Trong ngày làm việc	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm/ Ngoài đơn vị đăng kiểm	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày	- Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/08/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT ngày 21/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/08/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ	Một cửa

			<p>24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>	<p>giới đường bộ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 199/2016/TT- 	
--	--	--	---	---	--

BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THÁI NGUYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 784/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên TTHC	Đã được công bố tại địa phương theo Quyết định
1	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 802/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực
Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 03/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ủy quyền quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ủy quyền quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ủy quyền phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1004/TTr-SNN ngày 04/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC I
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số: 802 /QĐ-UBND ngày 11/04/2023 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính
A	TTHC CẤP TỈNH
1	Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
B	TTHC CẤP HUYỆN
2	Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1.1. Trường hợp đối với dự án, kế hoạch do cấp huyện triển khai thực hiện

a. Dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 1	<p>Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đơn vị chủ trì liên kết bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. - Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn.		
Bước 2	Phân công công chức xử lý xem xét, kiểm tra hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Công chức xử lý hồ sơ xem xét kiểm tra thông tin, hồ sơ, thành phần hồ sơ, tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ Công chức yêu cầu đơn vị chủ trì liên kết bổ sung, cập nhật hồ sơ trên hệ thống giải quyết TTHC - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện bước tiếp theo	Công chức xử lý hồ sơ phòng chuyên môn UBND cấp huyện	01 ngày làm việc
Bước 4	Tổng hợp báo cáo trình lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt hồ sơ trình Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 6	Chuyển hồ sơ đến cơ quan thường trực Công chức Phòng chuyên môn UBND cấp huyện chuyển hồ sơ đến Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	Công chức Phòng chuyên môn UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Bước 7	Phân công Công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng điều phối Chương trình	1/2 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
		MTQG xây dựng Nông thôn mới	
Bước 8	<p>Thẩm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải tham mưu thông báo bằng văn bản cho đơn vị chủ trì liên kết đồng thời gửi UBND cấp huyện biết để hoàn thiện - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện các bước tiếp theo 	Công chức xử lý hồ sơ Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	01 ngày làm việc
Bước 9	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, kiểm tra thực tế, có xác nhận bằng biên bản (<i>nếu cần thiết</i>). - Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT trình Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT có thông báo và nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết. 	Lãnh đạo Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	3,5 ngày làm việc
Bước 10	<p>Hội đồng thẩm định xem xét, nội dung dự án, kế hoạch liên kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký Văn bản thông báo đồng ý với dự án, kế hoạch. - Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định thì phải có Văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho UBND cấp huyện và đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết. 	Chủ tịch Hội đồng thẩm định	03 ngày làm việc
Bước 11	Chuyển Văn bản thông báo về UBND cấp huyện	Công chức xử lý hồ sơ Văn phòng điều phối Chương trình	1/4 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
		MTQG xây dựng Nông thôn mới	
Bước 12	Trình ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Lãnh đạo Phòng chuyên môn UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Bước 13	Ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Chủ tịch UBND cấp huyện	01 ngày làm việc
Bước 14	Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ của UBND cấp huyện, thực hiện thao tác trả kết quả hệ thống, chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ của UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Bước 15	Trả kết quả giải quyết TTHC cho đơn vị chủ trì liên kết theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			

b. Dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện - Cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đơn vị chủ trì liên kết bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	<p>do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. - Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn UBND cấp huyện 		
Bước 2	Phân công công chức xử lý xem xét, kiểm tra hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 3	<p>Công chức xử lý hồ sơ xem xét thông tin, hồ sơ, thành phần hồ sơ, tính hợp lệ của hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ Công chức yêu cầu đơn vị chủ trì liên kết bổ sung, cập nhật hồ sơ trên hệ thống giải quyết TTHC - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện bước tiếp theo 	Công chức xử lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 4	Tổng hợp báo cáo trình lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt hồ sơ trình Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 6	<p>Chuyển hồ sơ đến cơ quan thường trực</p> <p>Phòng chuyên môn UBND cấp huyện chuyển hồ sơ đến Phòng, cơ quan chuyên môn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</p>	Công chức phòng chuyên môn UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Bước 7	Phân công Công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng, cơ quan chuyên	1/2 ngày làm

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
		môn Sở Lao động Thương Binh và xã Hội	việc
Bước 8	<p>Thẩm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị chủ trì liên kết đồng thời gửi UBND cấp huyện biết để hoàn thiện - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện các bước tiếp theo 	Công chức xử lý hồ sơ phòng, cơ quan chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và xã Hội	01 ngày làm việc
Bước 9	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, kiểm tra thực tế, có xác nhận bằng biên bản <i>(nếu cần thiết)</i>. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì trình Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trình Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, tham mưu cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có thông báo và nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết. 	Lãnh đạo phòng, cơ quan chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và xã Hội	3,5 ngày làm việc
Bước 10	<p>Hội đồng thẩm định xem xét, nội dung dự án, kế hoạch liên kết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký Văn bản thông báo đồng ý với dự án, Kế hoạch. - Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định thì phải có Văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho UBND cấp huyện và đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết. 	Chủ tịch Hội đồng thẩm định	03 ngày làm việc
Bước 11	Chuyển Văn bản thông báo về	Công chức xử lý hồ sơ phòng, cơ	1/4 ngày làm

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	UBND cấp huyện	quan chuyên môn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	việc
Bước 12	Trình ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Bước 13	Ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Chủ tịch UBND cấp huyện	01 ngày làm việc
Bước 14	Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ của UBND cấp huyện, thực hiện thao tác trả kết quả hệ thống, chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ của UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Bước 15	Trả kết quả giải quyết TTHC cho đơn vị chủ trì liên kết theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			

c. Dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện - Cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ,	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	<p>chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đơn vị chủ trì liên kết bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.</p> <p>- Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn</p>		
Bước 2	Phân công công chức xử lý xem xét, kiểm tra hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 3	<p>Công chức xử lý hồ sơ xem xét thông tin, hồ sơ, thành phần hồ sơ, tính hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ Công chức yêu cầu đơn vị chủ trì liên kết bổ sung, cập nhật hồ sơ trên hệ thống giải quyết TTHC</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện bước tiếp theo</p>	Công chức xử lý hồ sơ UBND cấp huyện	01 ngày làm việc
Bước 4	Tổng hợp báo cáo trình lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt hồ sơ trình Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 6	<p>Chuyển hồ sơ đến cơ quan thường trực</p> <p>Phòng chuyên môn UBND cấp huyện chuyển hồ sơ đến phòng, cơ quan chuyên môn của Ban Dân Tộc</p>	Công chức Phòng chuyên môn UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 7	Giao Công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng, cơ quan chuyên môn của Ban Dân Tộc	1/2 ngày làm việc
Bước 8	<p>Thẩm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị chủ trì liên kết đồng thời gửi UBND cấp huyện biết để hoàn thiện - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện các bước tiếp theo 	Công chức xử lý hồ sơ phòng, cơ quan Chuyên môn của Ban Dân Tộc	01 ngày làm việc
Bước 9	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, kiểm tra thực tế, có xác nhận bằng biên bản (<i>nếu cần thiết</i>). - Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì trình Lãnh đạo Ban Dân tộc trình Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, tham mưu Ban Dân tộc có thông báo và nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết. 	Lãnh đạo phòng, cơ quan chuyên môn của Ban Dân tộc	3,5 ngày làm việc
Bước 10	<p>Hội đồng thẩm định xem xét, phê duyệt dự án liên kết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký Văn bản thông báo đồng ý với dự án, kế hoạch. - Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định thì phải có Văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho UBND cấp huyện và đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết. 	Chủ tịch Hội đồng thẩm định	03 ngày làm việc
Bước 11	Chuyển Văn bản thông báo về UBND cấp huyện	Công chức xử lý hồ sơ phòng, cơ	1/4 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
		quan Chuyên môn của Ban Dân Tộc	
Bước 12	Trình ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Bước 13	Ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Chủ tịch UBND cấp huyện	01 ngày làm việc
Bước 14	Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ của UBND cấp huyện, thực hiện thao tác trả kết quả hệ thống, chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Phòng chuyên môn UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Bước 15	Trả kết quả giải quyết TTHC cho đơn vị chủ trì liên kết theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1/4 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			

1.2. Trường hợp đối với dự án, kế hoạch do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh triển khai thực hiện

1.2.1. Đối với cơ quan, đơn vị triển khai dự án Kế hoạch là: Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội, Ban dân tộc

a. Dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT - Trung tâm phục vụ hành chính công - Cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công	1/2 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	<p>chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đơn vị chủ trì liên kết bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. <p><i>Địa chỉ tiếp nhận: Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thái Nguyên, số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</i></p>		
Bước 2	<p>Công chức được giao tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công chuyển hồ sơ về Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới để xử lý; ký xác nhận vào phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công của Sở Nông nghiệp và PTNT</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
Bước 3	<p>Giao Công chức xử lý hồ sơ</p>	<p>Lãnh đạo Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 4	<p>Thẩm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị chủ trì liên kết - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện các bước tiếp theo 	Công chức xử lý hồ sơ Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	01 ngày làm việc
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, kiểm tra thực tế, có xác nhận bằng biên bản <i>(nếu cần thiết)</i>. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và PTNT trình Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT có thông báo và nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết. 	Lãnh đạo Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	03 ngày làm việc
Bước 6	<p>Hội đồng thẩm định xem xét, phê duyệt dự án liên kết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký ban hành Văn bản thông báo đồng ý dự án, kế hoạch. - Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định thì phải có Văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết. 	Chủ tịch Hội đồng thẩm định	03 ngày làm việc
Bước 7	Trình ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Lãnh đạo Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	1/2 ngày làm việc
Bước 8	Ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Giám đốc Sở Nông nghiệp và	1/2 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
		PTNT	
Bước 9	<p>Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ của Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, thực hiện thao tác trả kết quả trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT, chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.</p>	<p>Công chức xử lý hồ sơ Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới</p>	<p>1/2 ngày làm việc</p>
Bước 10	<p>Trả kết quả giải quyết TTHC cho đơn vị chủ trì liên kết theo quy định</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
<p>Tổng thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>			

b. Dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 1	<p>Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội - Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <p>- Cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</p>	<p>1/2 ngày làm việc</p>

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	<p>thông thông tin giải quyết TTHC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đơn vị chủ trì liên kết bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. <p><i>Địa chỉ tiếp nhận: Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thái Nguyên, số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</i></p>		
Bước 2	<p>Công chức được giao tiếp nhận hồ sơ Sở Lao động, Thương Binh và xã hội tại Trung tâm phục vụ Hành chính công chuyển hồ sơ về phòng, cơ quan chuyên môn Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để xử lý; ký xác nhận vào phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công của Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
Bước 3	<p>Giao Công chức xử lý hồ sơ</p>	<p>Lãnh đạo phòng, cơ quan Chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và xã Hội</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
Bước 4	<p>Thẩm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, 	<p>Công chức xử lý hồ sơ phòng, cơ</p>	<p>01 ngày làm việc</p>

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	<p>trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải tham mưu thông báo bằng văn bản cho đơn vị chủ trì liên kết.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện các bước tiếp theo</p>	<p>quan chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và xã Hội</p>	
Bước 5	<p>- Xem xét, kiểm tra thực tế, có xác nhận bằng biên bản <i>(nếu cần thiết)</i>.</p> <p>- Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì trình Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trình Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định phê duyệt.</p> <p>- Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, tham mưu cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có thông báo và nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết.</p>	<p>Lãnh đạo phòng, cơ quan Chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và xã Hội</p>	<p>03 ngày làm việc</p>
Bước 6	<p>Hội đồng thẩm định xem xét, phê duyệt dự án liên kết.</p> <p>- Trường hợp hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký ban hành Văn bản thông báo đồng ý dự án, kế hoạch.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định thì phải có Văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng thẩm định</p>	<p>03 ngày làm việc</p>
Bước 7	<p>Trình ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch</p>	<p>Lãnh đạo phòng, cơ quan Chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và xã Hội</p>	<p>1/2 ngày làm việc</p>
Bước 8	<p>Ký Quyết định Phê duyệt dự án, kế hoạch</p>	<p>Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</p>	<p>1/2 ngày làm việc</p>

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 9	<p>Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ của Phòng, cơ quan chuyên môn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thực hiện thao tác trả kết quả trên hệ thống phần mềm giải quyết TTHC của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.</p>	<p>Công chức xử lý hồ sơ phòng, cơ quan Chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và xã Hội</p>	<p>1/2 ngày làm việc</p>
Bước 10	<p>Trả kết quả giải quyết TTHC cho đơn vị chủ trì liên kết theo quy định</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm phục vụ hành chính công</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
<p>Tổng thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>			

c. Dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 1	<p>Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Dân tộc</p> <p>- Cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban dân tộc</p>	<p>1/2 ngày làm việc</p>

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	<p>thống thông tin giải quyết TTHC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đơn vị chủ trì liên kết bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. <p><i>Địa chỉ tiếp nhận: Số 666A đường Quang Trung, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</i></p>		
Bước 2	<p>Công chức được giao tiếp nhận hồ sơ Ban Dân tộc chuyển hồ sơ về phòng, cơ quan chuyên môn Ban Dân tộc để xử lý; ký xác nhận vào phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban dân tộc</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
Bước 3	<p>Giao Công chức xử lý hồ sơ</p>	<p>Lãnh đạo phòng, cơ quan chuyên môn của Ban Dân Tộc</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
Bước 4	<p>Thẩm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải tham mưu thông báo bằng văn bản cho đơn vị chủ trì liên kết đồng thời gửi UBND cấp huyện biết để hoàn thiện - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực 	<p>Công chức xử lý hồ sơ phòng, cơ quan chuyên môn của Ban Dân Tộc</p>	<p>01 ngày làm việc</p>

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	hiện các bước tiếp theo		
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, kiểm tra thực tế, có xác nhận bằng biên bản <i>(nếu cần thiết)</i>. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì trình Ban Dân tộc trình Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, tham mưu Ban Dân tộc có thông báo và nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết. 	Lãnh đạo phòng, cơ quan chuyên môn của Ban Dân tộc	03 ngày làm việc
Bước 6	<p>Hội đồng thẩm định xem xét, phê duyệt dự án liên kết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký ban hành Văn bản thông báo đồng ý dự án, kế hoạch. - Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định thì phải có Văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì dự án liên kết được biết. 	Chủ tịch Hội đồng thẩm định	03 ngày làm việc
Bước 7	Trình ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Lãnh đạo phòng, cơ quan chuyên môn của Ban Dân Tộc	1/2 ngày làm việc
Bước 8	Ký Quyết định Phê duyệt dự án, kế hoạch	Trưởng Ban dân tộc	1/2 ngày làm việc
Bước 9	<p>Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Dân Tộc</p> <p>Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ của Ban Dân tộc thực hiện thao tác trả kết quả trên hệ thống phần mềm giải quyết TTHC của Ban Dân tộc, chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và</p>	Công chức phòng, cơ quan Chuyên môn của Ban Dân tộc	1/2 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	trả kết quả của Ban Dân tộc		
Bước 10	Trả kết quả giải quyết TTHC cho đơn vị chủ trì liên kết theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Dân tộc	1/4 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			

1.2.2. Đối với cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch là các cơ quan, đơn vị khác

a. Dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025¹

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 1	<p>Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT - Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công	1/2 ngày làm việc

¹ Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch. Cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch tiếp nhận, xem xét, kiểm tra hồ sơ, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm phục vụ hành chính công.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	<p>hành chính.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.</p> <p><i>Địa chỉ tiếp nhận: Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thái Nguyên, số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</i></p>		
Bước 2	<p>Công chức được giao tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công chuyển hồ sơ về Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới để xử lý; ký xác nhận vào phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công của Sở Nông nghiệp và PTNT</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
Bước 3	<p>Giao Công chức xử lý hồ sơ</p>	<p>Lãnh đạo Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
Bước 4	<p>Thẩm tra hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, tham mưu thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện các bước tiếp theo</p>	<p>Công chức xử lý hồ sơ Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới</p>	<p>01 ngày làm việc</p>
Bước 5	<p>- Xem xét, kiểm tra thực tế, có xác nhận bằng biên bản (<i>nếu cần thiết</i>).</p> <p>- Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì trình Sở Nông nghiệp và PTNT trình Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm</p>	<p>Lãnh đạo Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới</p>	<p>03 ngày làm việc</p>

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	<p>định phê duyệt.</p> <p>- Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT có thông báo và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch được biết.</p>		
Bước 6	<p>Hội đồng thẩm định xem xét, phê duyệt dự án liên kết.</p> <p>- Trường hợp hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký ban hành Văn bản thông báo đồng ý dự án, kế hoạch.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định thì phải có Văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch được biết.</p>	Chủ tịch Hội đồng thẩm định	03 ngày làm việc
Bước 7	Trình ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Lãnh đạo Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	1/2 ngày làm việc
Bước 8	Ký Quyết định Phê duyệt dự án, kế hoạch	Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT	1/2 ngày làm việc
Bước 9	<p>Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ của Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, thực hiện thao tác trả kết quả trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT, chuyển kết quả</p>	Công chức xử lý hồ sơ Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	1/2 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.		
Bước 10	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.	1/4 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			

b. Dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025²

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 1	<p>Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội - Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch bổ sung, 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1/2 ngày làm việc

² Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch. Cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch tiếp nhận, xem xét, kiểm tra hồ sơ, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm phục vụ hành chính công.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	<p>hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. <p><i>Địa chỉ tiếp nhận: Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thái Nguyên, số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</i></p>		
Bước 2	<p>Công chức được giao tiếp nhận hồ sơ Sở Lao động, Thương Binh và xã hội tại Trung tâm phục vụ Hành chính công chuyển hồ sơ về phòng, cơ quan chuyên môn để xử lý; ký xác nhận vào phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công của Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
Bước 3	<p>Giao Công chức xử lý hồ sơ</p>	<p>Lãnh đạo phòng, cơ quan Chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và xã Hội</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
Bước 4	<p>Thẩm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải tham mưu thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện các bước tiếp theo 	<p>Công chức xử lý hồ sơ phòng, cơ quan chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và xã Hội</p>	<p>01 ngày làm việc</p>

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, kiểm tra thực tế, có xác nhận bằng biên bản (<i>nếu cần thiết</i>). - Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì trình Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trình Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, tham mưu cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có thông báo và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch được biết. 	Lãnh đạo phòng, cơ quan Chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và xã Hội	03 ngày làm việc
Bước 6	<p>Tham mưu Hội đồng thẩm định xem xét, phê duyệt dự án liên kết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký ban hành Văn bản thông báo đồng ý dự án, kế hoạch. - Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định thì phải có Văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch được biết. 	Chủ tịch Hội đồng thẩm định	03 ngày làm việc
Bước 7	Trình ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Lãnh đạo phòng, cơ quan Chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và xã Hội	1/2 ngày làm việc
Bước 8	Ký Quyết định Phê duyệt dự án, kế hoạch	Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1/2 ngày làm việc
Bước 9	Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	Công chức xử lý hồ sơ phòng, cơ quan Chuyên môn của Sở Lao động Thương Binh và	1/2 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ của Phòng, cơ quan chuyên môn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thực hiện thao tác trả kết quả trên hệ thống phần mềm giải quyết TTHC của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.	Xã Hội	
Bước 10	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Trung tâm phục vụ hành chính công	1/4 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			

c. Dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025³

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Dân tộc - Cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban dân tộc	1/2 ngày làm việc

³ Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch. Cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch tiếp nhận, xem xét, kiểm tra hồ sơ, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Ban Dân tộc.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	<p>giải quyết TTHC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. <p><i>Địa chỉ tiếp nhận: Số 666A đường Quang Trung, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</i></p>		
Bước 2	<p>Công chức được giao tiếp nhận hồ sơ Ban Dân tộc chuyển hồ sơ về phòng, cơ quan chuyên môn để xử lý; ký xác nhận vào phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban dân tộc</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
Bước 3	<p>Giao Công chức xử lý hồ sơ</p>	<p>Lãnh đạo phòng, cơ quan chuyên môn của Ban Dân Tộc</p>	<p>1/4 ngày làm việc</p>
Bước 4	<p>Thẩm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch đồng thời gửi UBND cấp huyện biết để hoàn thiện - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện 	<p>Công chức xử lý hồ sơ phòng, cơ quan chuyên môn của Ban Dân Tộc</p>	<p>01 ngày làm việc</p>

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	các bước tiếp theo		
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, kiểm tra thực tế, có xác nhận bằng biên bản <i>(nếu cần thiết)</i>. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì trình Ban Dân tộc trình Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, tham mưu Ban Dân tộc có thông báo và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch được biết. 	Lãnh đạo phòng, cơ quan chuyên môn của Ban Dân tộc	03 ngày làm việc
Bước 6	<p>Tham mưu Hội đồng thẩm định xem xét, phê duyệt dự án liên kết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký ban hành Văn bản thông báo đồng ý dự án, kế hoạch. - Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định thì phải có Văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch được biết. 	Chủ tịch Hội đồng thẩm định	03 ngày làm việc
Bước 7	Trình ký Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch	Lãnh đạo phòng, cơ quan chuyên môn của Ban Dân Tộc	1/2 ngày làm việc
Bước 8	Ký Quyết định Phê duyệt dự án, kế hoạch	Trưởng Ban dân tộc	1/2 ngày làm việc
Bước 9	<p>Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Dân Tộc</p> <p>Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ của Ban Dân tộc thực hiện thao tác trả kết quả trên hệ thống phần mềm giải quyết TTHC của Ban Dân tộc, chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Dân tộc</p>	Công chức phòng, cơ quan Chuyên môn của Ban Dân tộc	1/2 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 10	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cơ quan, đơn vị triển khai dự án, kế hoạch theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Dân tộc	1/4 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			

B. Thủ tục hành chính cấp huyện**1. Thủ tục hành chính hỗ trợ sản xuất cộng đồng**

a. Trường hợp đối với dự án, phương án có quy mô nằm trên địa bàn 01 đơn vị cấp xã

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
Bước 1	<p>Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn Đại diện cộng đồng dân cư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. - Chuyển hồ sơ đến công chức xử lý hồ sơ 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Công chức xử lý hồ sơ xem xét thông tin, hồ sơ, thành phần hồ sơ, tính hợp	Công chức xử lý hồ sơ UBND cấp xã	01 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	<p>lệ của hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ Công chức yêu cầu Đại diện cộng đồng dân cư bổ sung hồ sơ và cập nhật trên hệ thống giải quyết TTHC - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện bước tiếp theo 		
Bước 3	Tổng hợp báo cáo trình lãnh đạo UBND cấp xã xem xét	Công chức xử lý hồ sơ cấp xã	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ trình UBND cấp huyện thẩm định, phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	1/2 ngày làm việc
Bước 5	<p>Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện</p> <p>Công chức xử lý hồ sơ cấp xã chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn UBND cấp huyện, ký xác nhận vào phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC</p>	Công chức xử lý hồ sơ cấp xã	1/2 ngày làm việc
Bước 6	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 7	<p>Kiểm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Phòng Chuyên môn UBND cấp huyện phải thông báo bằng văn bản cho Đại diện cộng đồng dân cư đồng thời gửi UBND cấp xã biết để hoàn thiện hồ sơ - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện các bước tiếp theo 	Công chức xử lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, kiểm tra thực tế, có xác nhận bằng biên bản (<i>nếu cần thiết</i>). - Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì trình Tổ thẩm định thực hiện thẩm định. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Phòng Chuyên môn UBND cấp huyện tham mưu UBND 	Lãnh đạo Phòng chuyên môn UBND cấp huyện	3,5 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
	cấp huyện có thông báo và nêu rõ lý do cho Đại diện cộng đồng dân cư và UBND cấp xã biết.		
Bước 9	<p>- Trường hợp Tổ thẩm định đồng ý với đề xuất dự án, phương án sản xuất thì trình Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc người được chủ tịch UBND cấp huyện Ủy quyền Quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định thì phải có Văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho UBND cấp xã và Cộng đồng dân cư được biết.</p>	Tổ trưởng Tổ thẩm định	03 ngày làm việc
Bước 10	Ký Quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc người được Chủ tịch UBND cấp huyện Ủy quyền	01 ngày làm việc
Bước 11	<p>Chuyển kết quả về công chức xử lý hồ sơ cấp xã</p> <p>Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ của UBND cấp huyện, thực hiện thao tác trả kết quả hệ thống, chuyển kết quả đến công chức xử lý hồ sơ cấp xã</p>	Công chức xử lý hồ sơ cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 12	Công chức xử lý hồ sơ cấp xã chuyển trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Công chức xử lý hồ sơ cấp xã	1/4 ngày làm việc
Bước 13	Trả kết quả giải quyết TTHC cho Cộng đồng dân cư theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	1/4 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			

b. Trường hợp đối với dự án, phương án có quy mô nằm trên địa bàn 02 đơn vị cấp xã trở lên

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý	Thời gian giải quyết
Bước 1	<p>Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn Đại diện cộng đồng dân cư bổ sung bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện	½ ngày làm việc
Bước 2	Cán bộ được giao tiếp nhận hồ sơ UBND cấp huyện chuyển hồ sơ về Phòng Chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	½ ngày làm việc
Bước 3	<p>Kiểm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Phòng Chuyên môn UBND cấp huyện phải thông báo bằng văn bản cho Đại diện cộng đồng dân cư đồng thời gửi Đại diện cộng đồng dân cư biết để hoàn thiện hồ sơ - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện các bước tiếp theo 	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn UBND cấp huyện	1 ngày làm việc
Bước 4	- Xem xét, kiểm tra thực tế, có xác nhận bằng	Lãnh đạo	3

	<p>biên bản <i>(nếu cần thiết)</i>.</p> <p>- Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì trình Tổ thẩm định thực hiện thẩm định.</p> <p>- Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được</p>	Phòng Chuyên môn UBND cấp huyện	ngày làm việc
Bước 5	<p>- Trường hợp Tổ thẩm định đồng ý với đề xuất dự án, phương án sản xuất thì trình Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc người được chủ tịch UBND cấp huyện Ủy quyền Quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định thì phải có Văn bản trả lời và nêu rõ lý do để Cộng đồng dân cư được biết.</p>	Tổ trưởng Tổ thẩm định	3 ngày làm việc
Bước 6	Ký Quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc người được Chủ tịch UBND cấp huyện Ủy quyền	1 ngày làm việc
Bước 7	<p>Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện</p> <p>Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ của UBND cấp huyện, thực hiện thao tác trả</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	½ ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho Cộng đồng dân cư theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 803/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực:
Kiến trúc, Quản lý hoạt động xây dựng và Nhà ở thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Cư trú năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở

liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình sổ hộ khẩu giấy thuộc phạm vi và chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 890/BXD-VP ngày 13/3/2023 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 751/TTr-SXD ngày 24/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Kiến trúc, Quản lý hoạt động xây dựng và Nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục I kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ 25 thủ tục hành chính cấp tỉnh thuộc các lĩnh vực: Quy hoạch - Kiến trúc (số thứ tự: 04, 05, 06, 07, 08, 09 mục I), Quản lý hoạt động xây dựng (số thứ tự: 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 mục II) và Nhà ở (số thứ tự: 01, 02, 03, 07, 08 mục V), được ban hành tại Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục II kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CÁC LĨNH VỰC:
KIẾN TRÚC, QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ NHÀ Ở
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 803/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC KIẾN TRÚC					
1	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 300.000 đồng/chứng chỉ.	-Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Luật Cư trú năm 2020; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>- Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</p> <p>- Văn bản số 890/BXD-VP ngày 13/03/2023 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy.</p>	
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn,</p>	<p>- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ.</p>	<p>- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;</p> <p>- Luật Cư trú năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).		phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Văn bản số 890/BXD-VP ngày 13/03/2023 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy. 	
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Luật Cư trú năm 2020; 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	sai do lỗi của cơ quan cấp		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Văn bản số 890/BXD-VP ngày 13/03/2023 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện quy định liên 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy.	
4	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ.	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Luật Cư trú năm 2020; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Văn bản số 890/BXD-VP ngày 13/03/2023 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy.	
5	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ.	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành - Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
6	Chuyên đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 300.000 đồng/chứng chỉ.	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành - Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG					
1	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	20 ngày đối với trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/chứng chỉ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Luật Cư trú năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Văn bản số 890/BXD-VP ngày 13/03/2023 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy	
2	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày đối với trường hợp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 300.000 đồng/chứng chỉ.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Luật Cư trú năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên		<ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;- Văn bản số 890/BXD-VP ngày 13/03/2023 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
3	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III	20 ngày đối với trường hợp gia hạn chứng chỉ hành nghề kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Luật Cư trú năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Văn bản số 890/BXD-VP ngày 13/03/2023 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy.	
4	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày đối với trường hợp cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Luật Cư trú năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>nghe kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</p> <p>- Văn bản số 890/BXD-VP ngày 13/03/2023 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy.</p>	
5	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường	10 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề kể từ ngày	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Luật Cư trú năm 2020;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Văn bản số 890/BXD-VP ngày 13/03/2023 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện quy định liên 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy.	
6	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	10 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Không thu phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Luật Cư trú năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</p> <p>- Văn bản số 890/BXD-VP ngày 13/03/2023 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy.</p>	
7	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài	25 ngày đối với trường hợp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ.	<p>- Luật Xây dựng năm 2014;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
8	Cấp chứng chỉ năng lực lần đầu hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố	- Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức: 1.000.000 (một triệu) đồng/chứng chỉ.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên		mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
9	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)	10 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ năng lực kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn,	- Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức: 500.000 đồng/chứng chỉ.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	
10	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	10 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ năng lực kê từ ngày nhận	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	Không thu phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên		<p>quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	
11	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng	10 ngày đối với trường hợp gia hạn chứng chỉ	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:	- Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	chi hạng II, hạng III	năng lực kê từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	chức: 500.000 đồng/chứng chỉ.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
12	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày đối với trường hợp cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>- Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức: 500.000 đồng/chứng chỉ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
13	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	- Lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài: 2.000.000 (hai triệu) đồng/giấy phép.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
14	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTTC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	- Lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài: 2.000.000 (hai triệu) đồng/giấy phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
III	LĨNH VỰC NHÀ Ở					
1	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTTC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Không	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 133/QĐ-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					trình sổ hộ khẩu giấy thuộc phạm vi và chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
2	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Không quá 45 ngày kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp tại Cơ quan quản lý nhà ở/ đơn vị quản lý vận hành nhà ở	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Nhà ở năm 2014;- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;</p> <p>- Quyết định số 133/QĐ-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình sổ hộ khẩu giấy thuộc phạm vi và chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	
3	<p>Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung quy định tại khoản 1 Điều 71a Nghị định số 99/2015/NĐ-CP</p>	<p>45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.</p>	<p>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của</p>	<p>Một cửa liên thông</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên		<p>Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 133/QĐ-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình sổ hộ khẩu giấy thuộc phạm vi và chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
4	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71a Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	<p>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 133/QĐ-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình sổ hộ khẩu giấy thuộc phạm vi và chức năng 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
5	Thủ tục giải quyết chuyên quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71a Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	<p>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; 	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 133/QĐ-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình sổ hộ khẩu giấy thuộc phạm vi và chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 803/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 04 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh
I	Lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc
1	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề
4	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam
6	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam
II	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng
1	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C
2	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C
3	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III
4	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
5	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III
6	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)

STT	Tên thủ tục hành chính
7	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)
8	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
9	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài
10	Cấp chứng chỉ năng lực lần đầu hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
11	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)
12	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)
13	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III
14	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
III	Lĩnh vực Nhà ở
1	Bán phần diện tích nhà, đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
2	Chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
3	Chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
4	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
5	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 826/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Phổ Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Phổ Yên;

Căn cứ Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thị xã Phổ Yên thời kỳ 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 30/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Phổ Yên với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung

Tổng diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2023 là 3,15ha.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất bổ sung

Tổng diện tích thu hồi đất bổ sung năm 2023 là 3,15ha.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2023 là 2,39ha.

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Danh mục các công trình, dự án bổ sung

Tổng số công trình, dự án thực hiện bổ sung năm 2023 là 01 dự án, với diện tích sử dụng đất là 3,15ha.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn thành phố Phổ Yên với các nội dung như sau:

Điều chỉnh tên, diện tích, địa điểm đối với 09 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục V, VI kèm theo)

Điều 3. Căn cứ vào Điều 1 và Điều 2 của Quyết định này, Ủy ban nhân thành phố Phổ Yên có trách nhiệm:

1. Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;

3. Đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phủ Yên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến

Phụ lục I

Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2023 thành phố Phổ Yên

(Kèm theo Quyết định số: 826/QĐ-UBND ngày 13 tháng 04 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

Stt	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																		
			Phường Ba Hàng	Phường Bắc Sơn	Phường Bãi Bông	Phường Đồng Tiến	Phường Đắc Sơn	Phường Đông Cao	Phường Hồng Tiến	Xã Minh Đức	Phường Nam Tiến	Xã Phúc Tân	Xã Phúc Thuận	Phường Tân Hương	Phường Tân Phú	Xã Thành Công	Phường Thuận Thành	Phường Tiên Phong	Phường Trung Thành	Xã Vạn Phái	
	TỔNG CỘNG	3,15														3,15					
1	Đất nông nghiệp																				
1.1	Đất trồng lúa																				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác																				
1.3	Đất trồng cây lâu năm																				
1.4	Đất rừng phòng hộ																				
1.5	Đất rừng đặc dụng																				
1.6	Đất rừng sản xuất																				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản																				
1.8	Đất nông nghiệp khác																				
2	Đất phi nông nghiệp	3,15														3,15					
2.1	Đất ở nông thôn																				
2.2	Đất ở đô thị																				
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan																				

2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng																		
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng																		
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng																		

Phụ lục IV

Danh mục 01 dự án bổ sung mới năm 2023 trên địa bàn thành phố Phổ Yên
(Kèm theo Quyết định số: 826/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
1	Tuyến đường từ đường liên kết vùng đi Hồ Suối Lạnh xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	3,15	0,12			3,03

Phụ lục V

Điều chỉnh diện tích, địa điểm đối với 05 dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên

(Kèm theo Quyết định số: 826/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Kế hoạch sử dụng đất của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt tại Quyết định số Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022								Nay điều chỉnh lại như sau						
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
1	Hệ thống xử lý nước thải Khu đô thị Nam Thái	Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên	0,70	0,40			0,30	Hệ thống xử lý nước thải Khu đô thị Nam Thái	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,23	0,33			0,90
		Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên	0,72	0,40			0,32							
2	Khu đô thị Thành Công (Khu số 1)	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	40,10	16,40			23,70	Khu đô thị Thành Công (Khu số 1)	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	39,76	16,40			23,36
3	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng Thành Công 2	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	25,70	3,10			22,60	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng Thành Công 2	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	24,62	3,10			21,52
4	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng Thành Công 1	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	13,80	2,15			11,65	Khu dân cư sinh thái và nghỉ dưỡng Thành Công 1	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	12,73	2,03			10,70

5	Sân gôn Glory	Xã Thành Công, thành phố Phủ Yên	90,00	1,25			88,75	Sân gôn Glory	Xã Thành Công, thành phố Phủ Yên	53,92	0,52			53,40
---	---------------	----------------------------------	-------	------	--	--	-------	---------------	----------------------------------	-------	------	--	--	-------

Phụ lục VI

Điều chỉnh tên đối với 04 dự án trên địa bàn thành phố Phủ Yên

(Kèm theo Quyết định số: 826/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Kế hoạch sử dụng đất của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt tại Quyết định số Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022								Nay điều chỉnh lại như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
1	Điểm dân cư nông thôn Âm Diệm, xã Hồng Tiến	Xã Hồng Tiến, thị xã Phủ Yên	13,44	12,15			1,29	Khu dân cư Âm Diệm	Phường Hồng Tiến, thành phố Phủ Yên	13,44	12,15			1,29	
2	Khu đô thị Đại Thắng	Phường Bãi Bông, phường Đồng Tiến, thành phố Phủ Yên	11,58	7,60			3,98	Khu dân cư Đại Thắng	Phường Bãi Bông, Phường Đồng Tiến, thành phố Phủ Yên	11,58	7,60			3,98	
3	Khu đô thị Kim Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phủ Yên	5,11	4,21			0,90	Khu dân cư Kim Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phủ Yên	5,11	4,21			0,90	
		Phường Nam Tiến, thành phố Phủ Yên	1,10	1,08			0,02		Phường Nam Tiến, thành phố Phủ Yên	1,10	1,08			0,02	
4	Điểm dân cư nông thôn Thành Lập 2	Phường Hồng Tiến, thành phố Phủ Yên	16,29	12,69			3,60	Khu dân cư Thành Lập 2	Phường Hồng Tiến, thành phố Phủ Yên	16,29	12,69			3,60	
		Phường Ba Hàng, thành phố Phủ Yên	1,73	1,31			0,42		Phường Ba Hàng, thành phố Phủ Yên	1,73	1,31			0,42	

CÔNG BÁO tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử tỉnh Thái Nguyên được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16A, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: portal@thainguyen.gov.vn

Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>